TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 01 - 2023
V/v: "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lâm

Các *Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 666/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/11/2022 về việc "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐST - HNGĐ ngày 21/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST – HNGĐ ngày 06/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1992 (vắng mặt – có đơn)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Trần Trung D, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Trần Trung D cưới nhau năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, nhưng

không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, ngoài ra anh D khó khăn tính toán chi li về chuyện tiền bạc, chị và gia đình chồng cũng không thuận thảo với nhau nên chị đã dẫn theo đứa con lớn là cháu V về nhà cha mẹ ruột ở cách nay khoảng nửa năm, từ đó vợ chồng sống ly thân, lúc đầu anh D có gọi điện thoại cho chị để năn nỉ hàn gắn nhưng chị không đồng ý vì chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D, không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh D nữa. Do chị và anh D chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn nên nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Trần Trung D là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L và anh D có hai con chung là cháu Trần Võ Quốc V, sinh ngày 27/4/2010 hiện đang do chị nuôi dưỡng, cháu Trần Võ Đăng N, sinh ngày 22/10/2016 hiện đang do anh D nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu V; chị đồng ý để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị không cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Trần Trung D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm*:

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị Mỹ L và anh Trần Trung D là vợ chồng.

+ Về con chung: Chị Võ Thị Mỹ L được quyền nuôi dưỡng con chung cháu Trần Võ Quốc V, sinh ngày 27/4/2010 (phù hợp với nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với mẹ của cháu V), ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu V. Anh Trần Trung D được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Võ Đăng N, sinh ngày 22/10/2016, do anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Trung D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh D vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh D.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý. Vì vậy, quan hệ giữa chị L và anh D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong quá trình chung sống, chị L cho rằng chị và anh D sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D nhậu nhẹt, ngoài ra anh D khó khăn tính toán chi li về chuyện tiền bạc, hai bên đã ly thân cách nay khoảng nửa năm (trình bày của chị L phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án

đối với mẹ ruột của anh D là bà Phan Thị H về việc chị L và anh D đã sống ly thân với nhau). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, không công nhận chị L và anh D là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị L và anh D có hai con chung là cháu Trần Võ Quốc V, sinh ngày 27/4/2010 hiện đang do chị L nuôi dưỡng, cháu Trần Võ Đăng N, sinh ngày 22/10/2016 hiện đang do anh D nuôi dưỡng. Xét việc chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, đồng ý để anh D tiếp tục nuôi dưỡng cháu N là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cháu V cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng muốn được sống với mẹ của cháu V), ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu V. Giao con chung cháu N cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, do anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Võ Thị Mỹ L phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị Mỹ L và anh Trần Trung D là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Mỹ L được quyền nuôi dưỡng con chung cháu Trần Võ Quốc V, sinh ngày 27/4/2010 (phù hợp với nguyện vọng muốn được tiếp

tục sống chung với mẹ của cháu V), ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu V. Anh Trần Trung D được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Võ Đăng N, sinh ngày 22/10/2016, do anh D không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Chị Võ Thị Mỹ L, anh Trần Trung D có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Võ Thị Mỹ L phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000238 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L đã nộp xong.

Chị Võ Thị Mỹ L và anh Trần Trung D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã A (B – B);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lâm